

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ TÂN AN
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17-7-2024
V/v ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN AN, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Toàn Vẹn

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Kim Hương

Bà Nguyễn Thị Thu Hường

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Tuyết Ngân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An tham gia phiên tòa:** Bà Lý Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 53/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Kim A, sinh năm 1986;

Địa chỉ thường trú: Số C Tổ I, Ấp C, xã Q, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh;

Hiện cư trú tại: Số D Đường H, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

- **Bị đơn:** Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1980;

Địa chỉ thường trú: Ấp B, xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp;

Hiện cư trú tại: Số E nhà T, Quốc lộ F, Phường F, thành phố T, tỉnh Long An.

(Bà A và ông T đều vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 01 năm 2024 và các lời khai tiếp theo trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A trình bày:

Bà Kim A và ông Huỳnh Văn T tiến tới hôn nhân do mai mối, sau đó có tìm hiểu thời gian ngắn, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2005 và được Ủy ban nhân dân xã B, thành phố H (trước đây là thị xã H), tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23/2015 ngày 07 tháng 7 năm 2015. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống tại gia

đình bà Kim A cho đến khi ly thân. Thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải toả được. Nguyên nhân là do trong đời sống chung của vợ chồng, ông T không có trách nhiệm với gia đình với vợ con, tiền bạc không minh bạch rõ ràng; ông T không cùng vợ chăm sóc, nuôi dạy các con mà chỉ biết sống cho riêng bản thân mình. Từ đó, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau khiến gia đình không êm ấm, không hạnh phúc. Dù bà Kim A và gia đình đã nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi tốt hơn. Từ năm 2020, ông T đã dọn ra ở riêng đồng thời vợ chồng đã ly thân từ đó cho đến nay không qua lại liên hệ gì nhau. Thời gian ly thân đã lâu, ông T vẫn không biết hối lỗi, không ngó ngàng gì đến vợ và các con. Thấy rằng vợ chồng đã không còn tình cảm, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T.

Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng có hai con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2006 và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012. Cháu T1 đã thành niên, đã đi làm tạo ra thu nhập. Còn cháu T2 đang học lớp 6. Cả hai con chung đều đang sống với bà Kim A. Sau khi ly hôn, bà Kim A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T2, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Bà Kim A xác định vợ chồng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về vấn đề này đồng thời có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử vắng mặt đối với bà Kim A.

Bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng ông T vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Kim A.

Vụ án được Tòa án đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Tân An phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát cho rằng:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đều tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt lần thứ hai không lý do. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Từ các chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp. Trong thời gian chung sống, vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn do ông T không chăm lo gia đình, thường xuyên uống rượu bia khiến gia đình không hạnh phúc, Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông T vắng mặt cũng không có văn bản gửi đến Tòa án thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Kim A. Bà Kim A xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà Kim A là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà Kim A có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung chưa thành niên trên 07 tuổi Huỳnh Thị Thanh T2 là phù hợp nguyện vọng của cháu, ghi nhận việc bà Kim A không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung: bà A xác định không có đồng thời không yêu cầu nên không xem xét giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim A. Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Bà Nguyễn Thị Kim A có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung với ông Huỳnh Văn T cư ngụ tại Phường F, thành phố T, tỉnh Long An. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Tân An, tỉnh Long An theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Về xét xử vắng mặt đương sự: Bị đơn ông Huỳnh Văn T đã được Tòa án thực hiện thủ tục tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự tại nơi cư trú nhưng ông T vắng mặt trong suốt quá trình xét xử. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim A có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự là đúng theo Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của bà Nguyễn Thị Kim A thấy rằng:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A và ông Huỳnh Văn T tiến tới hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới vào năm 2006 và được Ủy ban nhân dân xã B, thị xã H, tỉnh Đồng Tháp cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 07 tháng 7 năm 2015. Do đó, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

[5] Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà A và ông T tại địa phương nơi hai người sinh sống nhưng chính quyền địa phương không nắm được sự việc. Theo bà Kim A trình bày thể hiện: Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống chỉ hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh nhiều mâu thuẫn kéo dài. Nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng là do ông T không chăm lo cuộc sống gia đình, là người không trách nhiệm lại hà khắc với vợ con. Mặc dù đã được gia đình cùng vợ con nhiều lần khuyên can nhưng ông T vẫn không thay đổi tính tình tốt hơn. Vợ chồng ly thân từ năm 2020 cho đến nay, ông T cũng không tới lui thăm nom chăm sóc các con. Giữa vợ chồng đã không còn sự tôn trọng, yêu thương, chăm sóc nhau nên không thể tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân như hiện nay.

[6] Ông T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng thể hiện việc bà Kim A yêu cầu ly hôn và yêu cầu nuôi con chung nhưng ông T không đến Tòa án cũng không có văn bản thể hiện ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của bà Kim A. Điều đó cho thấy ông T thừa nhận mâu thuẫn như bà Kim A đã trình bày đồng thời ông T không còn thiết tha tình cảm vợ chồng, không muốn đoàn tụ và xây dựng đời sống hôn nhân gia đình với bà Kim A.

[7] Từ nhận định tại [5] và [6] cho thấy mối quan hệ hôn nhân giữa bà A và ông T đã lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Kim A đối với ông T.

[8] Về nuôi con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà A và ông T có hai con chung tên Huỳnh Thanh T1, sinh ngày 08 tháng 4 năm 2006 (đã thành niên) và Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012; hiện nay, hai con chung đang sống cùng bà Kim A và được mẹ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà Kim A có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung của bà Kim A là phù hợp nguyện vọng của cháu T2 đã được Tòa án ghi nhận và phù hợp quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận. Ông T không trực tiếp nuôi con nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con, không ai được cản trở.

[9] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Kim A chưa có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Kim A xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[11] Về án phí sơ thẩm : Bà Kim A phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[12] Quan điểm phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 238, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 51, 56, khoản 1 Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim A được ly hôn với ông Huỳnh Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung chưa thành niên tên Huỳnh Thị Thanh T2, sinh ngày 17 tháng 8 năm 2012 cho bà Nguyễn Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng, ông Huỳnh Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con do bà Kim A chưa yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, cha mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con; cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định của pháp luật.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; yêu cầu người không trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Bà A xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Kim A phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí, chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí bà Kim A đã nộp theo biên lai thu số 0001421 ngày 26 tháng 02 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Tân An, tỉnh Long An sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND tp. Tân An;
- Chi cục THADS tp. Tân An;
- UBND xã B, tp H, tỉnh Đồng Tháp
(nơi thực hiện ĐKKH);
- Các đương sự (02);
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Toàn Vẹn